ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA KHOA KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT MÁY TÍNH



$\mathbf{H}\mathbf{\hat{E}}\ \mathbf{CO}\ \mathbf{S}\mathbf{\mathring{O}}\ \mathbf{D}\mathbf{\tilde{U}}\ \mathbf{LI}\mathbf{\hat{E}}\mathbf{U} - \mathbf{CO2013}$

Bài tập lớn

WEBSITE E-LEARNING

GVHD: TRẦN THỊ QUẾ NGUYỆT SINH VIÊN THỰC HIỆN

| STT | MSSV | HỌ VÀ TÊN |
|-----|---------|---------------------|
| 1 | 2212495 | Nguyễn Nhật Pháp |
| 2 | 2320001 | Nguyễn Tiểu Anh |
| 3 | 2113352 | Nguyễn Đức Hiếu |
| 4 | 2212607 | Dương Hồ Hoàng Phúc |
| 5 | 2212703 | Trần Duy Phương |

TP. HÒ CHÍ MINH, NĂM 2024

Mục lục

| I. | Tìm hiểu nghiệp vụ, viết mô tả yêu cầu dữ liệu | 1 |
|------|--|----------|
| 1. | Mô tả nghiệp vụ | 1 |
| 2. | Mô tả các kiểu thực thể, mối liên kết | 2 |
| 3. | Yêu cầu chức năng - Functional Requirement | 8 |
| 4. | Ràng buộc dữ liệu | 9 |
| II. | Enhanced Entity – Relationship Diagram (E-ERD) | 10 |
| III. | EER-to-Relational Mapping | 11 |
| 1. | Mapping of Regular (strong) Entity Types | 11 |
| 2. | Mapping of Weak Entity Types | 12 |
| 3. | Mapping of Binary 1:1, 1:N Relationship Types | 13 |
| 4. | Mapping of Binary M:N Relationship Types | 14 |
| 5. | Mapping of Multivalued attributes | 15 |
| 6. | Mapping Specialization or Generalization | 16 |
| 7. | Relational Mapping | 17 |
| IV. | Các câu truy vấn | 17 |
| 1. | Lấy tên của học viên đăng kí khóa học có Roadmap | 17 |
| 2. | Với mỗi khóa học lấy tên khóa học và tên học viên có điểm trung bình cao nhất trong khóa học | ọc đó 17 |
| 3. | Lấy tên khóa học và tổng số học viên đăng ký trong mỗi khóa học | 17 |
| 4. | Với mỗi học viên lấy ID học viên và tính tổng số tiền học viên đó trả cho các Đơn thanh toán | 18 |
| 5. | Truy xuất những ID học viên đã hoàn thành ít nhất một khóa học | 18 |

I. Tìm hiểu nghiệp vụ, viết mô tả yêu cầu dữ liệu

1. Mô tả nghiệp vụ

Udemy là một nền tảng giáo dục trực tuyến hàng đầu, cho phép người học trên khắp thế giới truy cập vào hàng nghìn khóa học trực tuyến về mọi chủ đề có thể tưởng tượng. Trên trang web của mình, Udemy cung cấp một loạt các khóa học từ lĩnh vực kỹ năng mềm như quản lý thời gian và giao tiếp đến các chủ đề chuyên sâu như lập trình máy tính, khoa học dữ liệu, tiếng Anh. Để xây dựng được trang web như vậy, trước hết Udemy cần xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu căn bản và dần dần mở rộng hơn.

Đầu tiên, đối với người dùng khi đăng ký mới, hệ thống cần lưu trữ Username, Password. Khi đăng ký thành công, hệ thống sẽ tự được khởi tạo ID riêng cho người dùng. Đồng thời cần lưu trữ vai trò của mỗi người dùng để xác định họ là học viên, giáo viên hay quản trị.

Đối với học viên, cần lưu trữ các thông tin cơ bản như họ và tên học viên, email, như số khóa học đăng ký, số khóa học hoàn thành, danh sách khóa học đăng ký và danh sách khóa học hoàn thành. Đối giáo viên, hệ thống cũng cần lưu trữ thông tin giáo viên gồm tên, bằng cấp, email, số điên thoai.

Đối với khóa học, nhằm giúp học viên, giáo viên dễ dàng đăng kí, triển khai các khóa học, hệ thống cần lưu trữ tên khóa học, chủ đề, mã khoá học, ngôn ngữ, mô tả khóa học, trình độ yêu cầu, giá của khóa học và tiến độ học tập của học viên khi tham gia khóa học. Đồng thời, khóa học còn cấp chứng chỉ cho mỗi học viên khi hoàn thành khóa học. Chứng chỉ sẽ bao gồm tên học viên, tên khóa học tham gia, thời gian cấp chứng chỉ đó.

Để học viên học tập đúng hướng, giảng viên sẽ cung cấp các roadmap cho học viên. Roadmap sẽ bao gồm mục tiêu của chương trình học, số khóa học cần tham gia.

Ngoài ra, khóa học sẽ bao gồm các section, mỗi section sẽ cần lưu tiêu đề, số bài giảng trong section đó cùng với số giờ cần để học xong section. Nhằm giúp học viên có cơ hội

vừa học kiến thức mới vừa ôn tập kiến thức cũ, các section sẽ gồm các bài giảng và các bài quiz kiểm tra.

Đối với mỗi bài giảng, ta cần biết được thông tin tiêu đề từng bài học, từng video, trạng thái của bài giảng đã hoàn thành hay chưa và các tài liệu liên quan tới bài giảng đó.

Trong khi đó các bài quiz cũng sẽ có các tiêu đề tương ứng, số lần làm tối đa, thời gian làm bài, trạng thái đã hoàn thành hay chưa, số điểm của bài quiz đó. Một bài quiz sẽ có nhiều câu hỏi vì vậy ta cũng cần có thông tin về nội dung câu hỏi và đáp án.

Mỗi học viên sẽ có quyền xem bài giảng và thực hiện bài quiz sau khi đăng kí mua khóa học và thanh toán thành công. Khi thực hiện các bài quiz cần có thông tin số lần thực hiện của học viên.

Cuối cùng, sau khi đăng kí khóa học, học viên cần thanh toán để có thể tham gia học tập. Đơn thanh toán sẽ cho biết thời gian thanh toán, phương thức thanh toán là gì, tổng số tiền học viên cần thanh toán.

Với sự phát triển của hệ thống quản lý học thuật này, Udemy hy vọng sẽ nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục, tối ưu hóa quy trình học thuật, và cung cấp một nền tảng giáo dục chất lượng cao cho sinh viên và giáo viên của mình. Đây sẽ là một bước tiến quan trọng giúp trường mở rộng quy mô hoạt động giáo dục và tăng cường vị thế cạnh tranh trong lĩnh vực giáo dục.

2. Mô tả các kiểu thực thể, mối liên kết

a. Tóm tắt

| Thực thể mạnh | Người dùng |
|---------------|-----------------------|
| | Quản trị viên (Admin) |
| | Học viên (User) |

| | Giảng viên (User) | | | |
|-------------------|--|---------------------------------|--|--|
| | Khóa học | | | |
| | Road map | | | |
| | Đơn thanh toán | | | |
| | Quiz | | | |
| | Bài giảng | | | |
| Thực thể yếu | Section | | | |
| | Câu hỏi | | | |
| Kiểu mối liên kết | Tạo Giảng viên - 1:N = Khóa học | | | |
| | Đăng ký | Học viên - N:N - Khóa học | | |
| | Tạo Giảng viên - 1:N = Road Map | | | |
| | Gồm | Road Map = 1: N - Khóa học | | |
| | Có Khóa học = 1:1 = Chứng chỉ Gồm Khóa học = 1:N = Section | | | |
| | | | | |
| | Gồm | Khóa học = N:1 = Đơn thanh toán | | |
| | Xem | Học viên - N:N = Bài giảng | | |

| Thực hiện | Học viên - N:N = Quiz |
|-----------|---------------------------|
| Gồm | Section = 1:N = Bài giảng |
| Gồm | Section = 1:N= Quiz |
| Có | Quiz =1:N= Question |

b. Thực thể mạnh:

| Thực thể | thuộc tính | | Mô tả |
|--------------------------|---------------------------|------------|---|
| Người dùng | ID tài khoản | Khóa chính | |
| | UserName | Đơn | |
| | Họ và tên | Đơn | |
| | Email | Đơn | |
| | Password | Đơn | |
| Quản trị viên | Kế thừa từ tài khoản | | Các thuộc tính của quản trị viên được kế thừa từ lớp cha |
| Học viên (kế thừa từ tài | Số khóa học hoàn thành | Dẫn xuất | Đếm trên số khóa học hoàn thành (khóa học có tiến độ >=70%) |

| khoản) | Số khóa học đăng ký | Dẫn xuất | Đếm số khóa học đăng kí trong bảng tham chiếu Đăng ký |
|------------------------------------|---------------------|------------|---|
| Giảng viên (kế thừa từ tài khoản) | Bằng cấp | Đơn | |
| Khóa học | Mã khóa học | Khóa chính | |
| | Tên khóa học | Đơn | |
| | Chủ đề | Đơn | |
| | Giá tiền | Đơn | |
| | Mô tả | Đơn | |
| | Trình độ yêu cầu | Đơn | |
| | Ngôn ngữ | Đa trị | Khóa học có thể hỗ trợ phụ đề nhiều ngôn ngữ |
| | Tiến độ | Dẫn xuất | Được tính dựa trên số quiz thực hiện và số bài giảng hoàn thành |
| Road Map | Mục tiêu | Đơn | |
| | Số khóa học | Dẫn xuất | được tính dựa trên số khóa |

| | | | học tham chiếu đến Road map |
|-----------|---------------|------------|---|
| | ID road map | Đơn | |
| | Mã thanh toán | Khóa chính | |
| toán | Thời gian | Đơn | Thời gian thực hiện thanh toán |
| | Phương thức | Đơn | Cách thức thanh toán (momo, zalo pay, vnpay) |
| | Tổng tiền | Dẫn xuất | Dựa trên tổng giá tiền của các khóa học tham chiếu đến Đơn thanh toán |
| Bài giảng | Mã bài giảng | khóa chính | |
| | Trạng thái | đơn | trạng thái bài giảng sinh viên đã hoàn thành hay chưa (T/F) |
| | Tiêu đề | đơn | |
| | video | đơn | link video bài giảng |
| | Tài liệu | đa trị | link các tài liệu giáo viên cung cấp |

| Quiz | ID_quiz | Khóa chính | |
|------|-------------------|------------|---|
| | Trạng thái | Đơn | Lưu thông tin Học viên đã làm/chưa làm bài Quiz này |
| | Điểm | Đơn | |
| | Tiêu đề | Đơn | |
| | Số lần làm tối đa | Đơn | |
| | Thời gian làm bài | Đơn | |

c. Thực thể yếu

| Thực thể | thuộc tính | Mô tả | |
|----------|-----------------------|-----------------|--|
| Câu hỏi | mã câu hỏi Khóa chính | | |
| | đáp án | Đơn | |
| | Nội dung câu hỏi | đơn | |
| Section | Tiêu đề | Khóa riêng phần | |
| | Số bài giảng | Dẫn xuất | Được tính dựa trên số Bài giảng tham chiếu đến Section |

| Số giờ | Dẫn xuất | Được tính dựa trên |
|--------|----------|--------------------|
| | | tổng thời lượng |
| | | video trong Bài |
| | | giảng |

3. Yêu cầu chức năng - Functional Requirement

- a. Hoc viên
- Đăng ký, đăng nhập tài khoản.
- Đăng ký các khóa học mà học viên quan tâm và thực hiện thanh toán mua khóa học.
- Xem thông tin chi tiết về các khóa học bao gồm tên, mô tả, giảng viên phụ trách, số bài giảng, giá tiền và các thông tin khác.
- Xem các video bài giảng bất cứ lúc nào, không bị giới hạn số lần.
- Thực hiện các bài quiz trong khóa học sau khi đã xem bài giảng.
- Hiển thị điểm số và tiến độ học tập của học viên trong từng khóa học.

b. Giảng viên

Tạo và quản lý khóa học, bài kiểm tra:

- Cho phép giảng viên tạo mới và quản lý thông tin của các khóa học mà họ giảng dạy. Đăng tải, xóa các video bài giảng cho các khóa học mình được phân công quản lý.
 - Đăng tải, chỉnh sửa và xóa thông tin, tài liệu của khóa học.
 - Tạo mới, xóa, sửa các bài quiz theo nội dung môn học.
 - Cài đặt số điểm và yêu cầu cho từng bài quiz.
 - Ghi nhận và quản lý điểm số của sinh viên trong khóa học, giúp giảng viên đánh giá và theo dõi tiến độ học tập.

Xem danh sách sinh viên:

- Cho phép giảng viên xem danh sách sinh viên đã đăng ký vào khóa học của mình.

Cấp chứng nhận cho sinh viên khi hoàn thành khóa học.

c. Quản trị viên

Đăng nhập vào tài khoản cho quản trị được import sẵn hoặc tự đăng ký tài khoản.

Tài khoản sinh viên, giảng viên:

- Tao tài khoản cho sinh viên, giảng viên.
- Tạo khóa học mới
- Đăng ký tài khoản của sinh viên và giảng viên vào các khóa học theo yêu cầu.
- Cung cấp tính năng khóa hoặc mở khóa tài khoản.

Phân quyền người dùng:

Quản lý và phân quyền người dùng, đảm bảo rằng mỗi người dùng chỉ có thể truy
 cập vào các chức năng phù hợp với vai trò của họ.

Cung cấp thống kê và tạo báo cáo về hoạt động học tập, đánh giá kết quả và tiến độ học tập của sinh viên cũng như chất lượng giảng dạy của giảng viên.

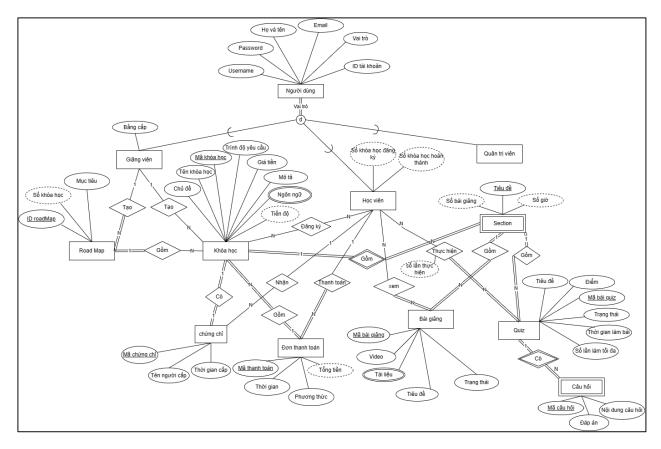
4. Ràng buộc dữ liệu

Ngữ nghĩa

- Sinh viên phải hoàn thành quiz trước đó mới được thực hiện bài quiz kế tiếp
- Sinh viên không thể làm bài sớm trước thời gian cho phép và không thể làm quá thời lượng cho phép
- Một bài quiz có thể được thực hiện 3 lần
- Thời hạn thực hiện quiz chỉ diễn ra khi khóa học đang mở
- Sinh viên phải xem hết video của phần nội dung đang học mới được thực hiện quiz.

Sinh viên phải hoàn thành khóa học mới được cấp chứng nhận (thuộc tính tiến độ của khóa học >= 70 % là hoàn thành) - tiến độ khóa học được tính bằng tổng số Quiz, Bài giảng hoàn thành / Tổng số Quiz, Bài giảng.

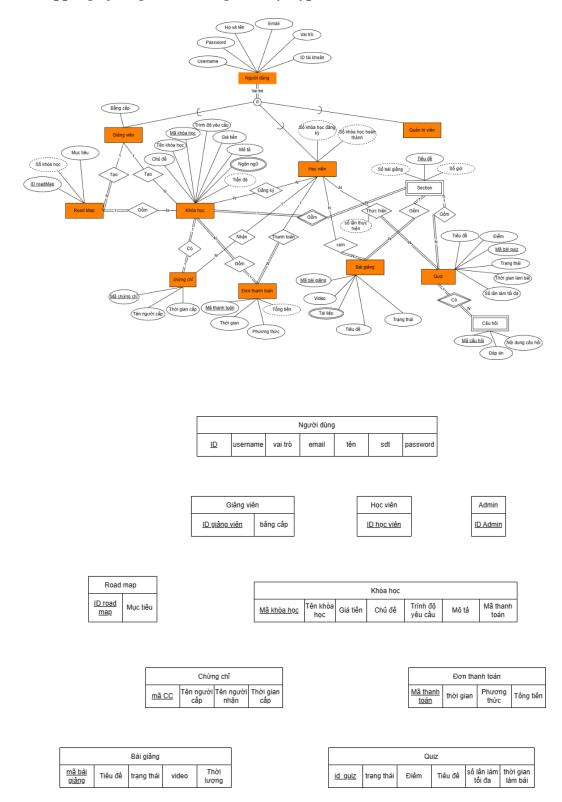
II. Enhanced Entity – Relationship Diagram (E-ERD)



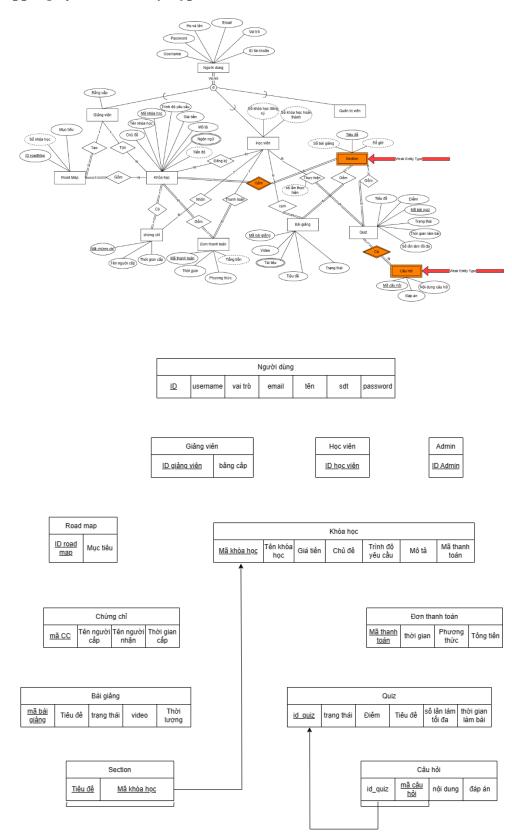
Link draw.io E-ERD: tại đây

III. EER-to-Relational Mapping

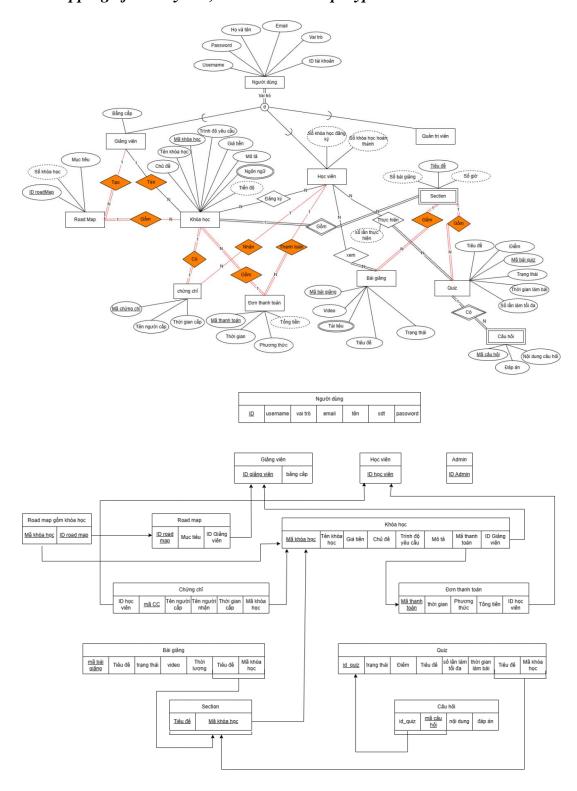
1. Mapping of Regular (strong) Entity Types



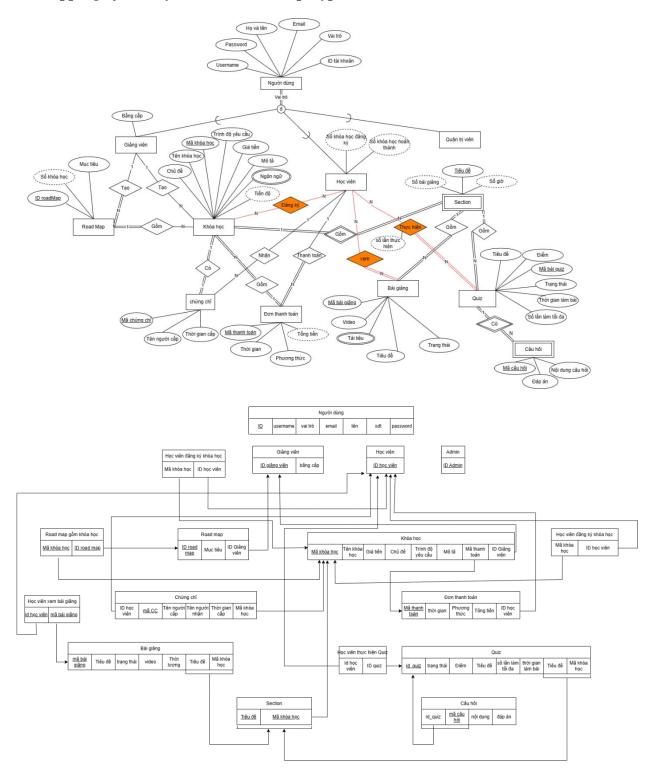
2. Mapping of Weak Entity Types



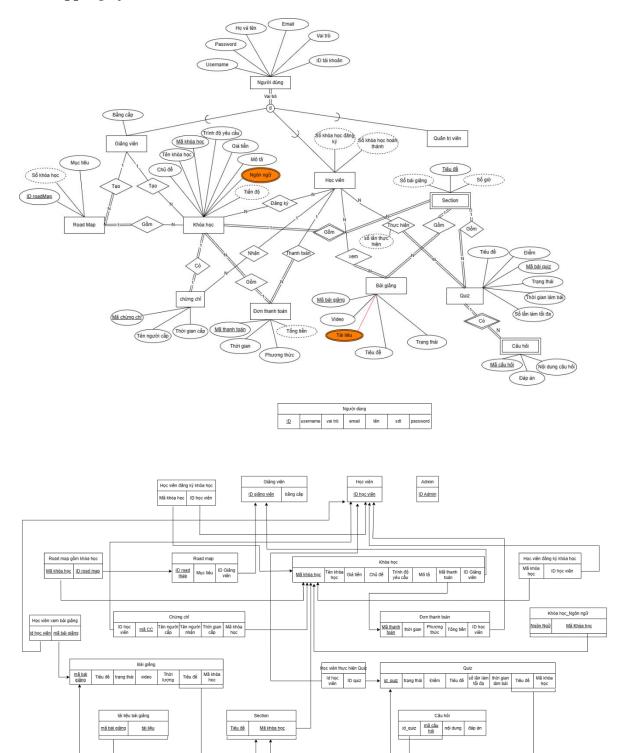
3. Mapping of Binary 1:1, 1:N Relationship Types



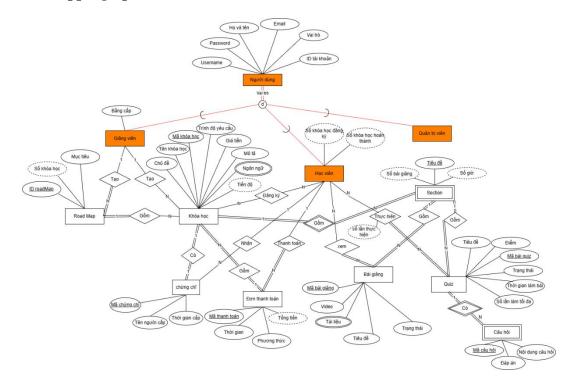
4. Mapping of Binary M:N Relationship Types

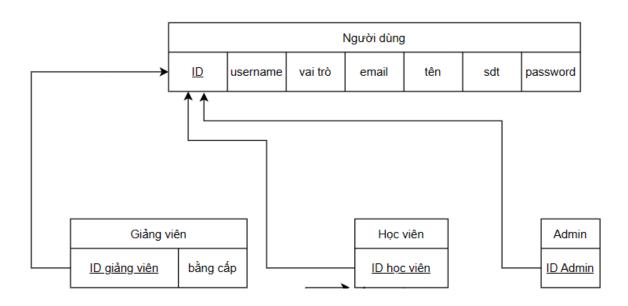


5. Mapping of Multivalued attributes

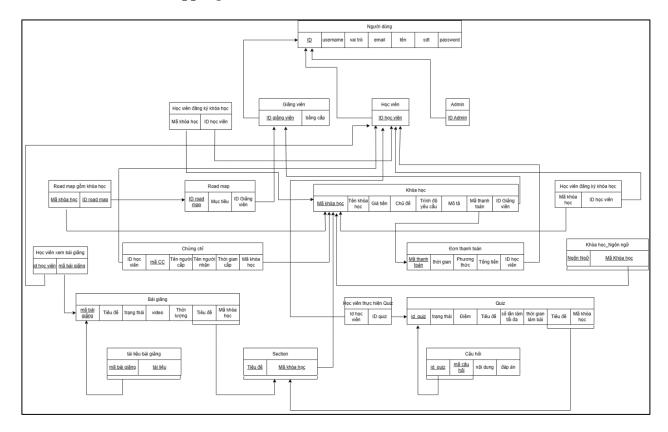


6. Mapping Specialization or Generalization





7. Relational Mapping



Link draw.io Mapping database: tai đây

IV. Các câu truy vấn

1. Lấy tên của học viên đăng kí khóa học có Roadmap

 $X \leftarrow Roadmap\ g$ ồm khóa học $\bowtie_{M\tilde{a}\ khóa\ học = M\tilde{a}\ khóa\ học} Khóa\ học$

 $Y \leftarrow X \bowtie_{M\tilde{a} \ kh\acute{o}a \ hoc = M\tilde{a} \ kh\acute{o}a \ hoc} Học viên Đăng ký Khóa học$

 $Z \leftarrow Y \bowtie_{ID \ hoc \ vi \hat{e}n = ID \ hoc \ vi \hat{e}n} Hoc \ vi \hat{e}n$

 $result \leftarrow \pi_{T\hat{e}n}(Z \bowtie_{ID \ hoc \ vi\hat{e}n = ID \ hoc \ vi\hat{e}n} Ng w \grave{o}i \ d \grave{u}ng)$

2. Với mỗi khóa học lấy tên khóa học và tên học viên có điểm trung bình cao nhất trong khóa học đó

 $X \leftarrow Kh\acute{o}a\ học \bowtie_{M\~{a}\ kh\acute{o}a\ học=M\~{a}\ kh\acute{o}a\ học} Quiz$ $avg \leftarrow M\~{a}\ kh\acute{o}a\ học\ \Im_{AVG\ Di\'{e}m}\ X$ $\max AVG \leftarrow M\~{a}\ kh\acute{o}a\ học\ \Im\ Max(Avg_Di\~{e}m\)\ avg$

result $\leftarrow \pi$ Tên khóa học, Tên học viên, Max_Avg_ Điểm((maxAVG * Học viên Đăng ký khóa học) * Người dùng)

- 3. Lấy tên khóa học và tổng số học viên đăng ký trong mỗi khóa học
 - $X \leftarrow M\tilde{a} \ khóa \ học \, \mathfrak{I}_{COUNT\ ID\ hoc\ viện} Học \ viện Đăng ký khóa học$

 $result \leftarrow \pi \, T \hat{e}n \, kh \acute{o}a \, hoc, Count_IDhoc \, vi \hat{e}n \, \left(Kh \acute{o}a \, hoc \, \bowtie_{M \~a \, kh \acute{o}a \, hoc} \, X\right)$

4. Với mỗi học viên lấy ID học viên và tính tổng số tiền học viên đó trả cho các Đơn thanh toán.

 $ID\ học\ viên\ \Im_{SUM\ (Tổng\ tiền)}(\hbox{\it Hơn}\ thanh\ toán\ \bowtie_{ID\ học\ viên\ thanh\ toán=\ ID\ học\ viên}\ Học\ viên$

- 5. Truy xuất những ID học viên đã hoàn thành ít nhất một khóa học.
 - $X \leftarrow Quiz \bowtie_{M\tilde{a} \ kh\acute{o}a \ hoc=M\tilde{a} \ kh\acute{o}a \ hoc} B\grave{a}i \ giảng$
 - $Y \leftarrow M\tilde{a} \ kh\acute{o}a \ học \Im \ Count(id \ quiz), \Im \ Count(M\tilde{a} \ bài \ giảng) \ X$
 - $Z \leftarrow \left(Quiz \bowtie_{ID\ quiz=ID\ quiz} Hoc\ viên\ thực\ hiện\ Quiz \right) \bowtie_{ID\ học\ viên=Id\ học\ viên}$

(Bài giảng ⋈_{Mã bài giảng=Mã bài giảng} Học viên xem bài giảng)

 $T \leftarrow \sigma_{Quiz.trang\ th\acute{a}i='ho\`{a}n\ th\`{a}nh'ANDB\`{a}i\ giảng.trang\ th\acute{a}i='ho\`{a}n\ th\`{a}nh'} Z$

CountComplete ← ID học viên, Mã khóa học ℑ COUNT (id quiz), ℑ Count(Mã bài giảng) T

 $result \leftarrow \pi \; ID \; hoc \; vien(\sigma_{(CountComplete.CountIDQuiz+CountComplete.Count} \; Makhóa \; hoc)$ $\geq 0.7(T.CountIDQuiz+T.Count \; Makhóa \; hoc)$

 $(T \bowtie_{M\tilde{a}\ kh\acute{o}a\ hoc=M\tilde{a}\ kh\acute{o}a\ hoc} CountComplete))$